TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71/**2025/DS-ST
Ngày: 13/5/2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 81/2025/TLST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* 1. Ông **Phạm Thanh S**, sinh năm 1981.

2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt đầy đủ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 06/11/2024, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/02/2025, Biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025 và những lời trình bày tiếp*

theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày như sau:

Trước đây, khoảng năm 2019, bà có đi vay tiền của người khác và cho vợ chồng ông S, bà H vay tiền lại đến ngày 19/4/2021 (08/3/2021 âm lịch) thì hai bên kết nợ, còn lại 75.000.000 đồng tiền nợ gốc, 23.000.000 đồng tiền lãi (của khoản vay trước đó vào năm 2019). Thỏa thuận sẽ trả lãi 2.000.000 đồng/tháng trên số tiền 75.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau đó, nhiều lần ông S, bà H trả tiền cho bà, đến nay còn nợ lại bà số tiền 9.000.000 đồng tiền nợ gốc và 23.000.0000 đồng tiền lãi.

Bà yêu cầu tính lãi 2.000.000 đồng/tháng với thời gian 45 tháng, từ ngày 19/4/2021 đến ngày 19/01/2025, với số tiền lãi là 90.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 19/4/2021 (08/3/2021 âm lịch).

Tổng cộng số tiền yêu cầu bị đơn liên đới trả là 122.000.000 đồng, gồm 9.000.000 đồng nợ gốc, 113.000.000 đồng tiền lãi (90.000.000 đồng + 23.000.000 đồng). Bà khởi kiện yêu cầu ông S, bà H liên đới trả số tiền 122.000.000 đồng, trả 02 lần/2 tháng, mỗi lần 61.000.000 đồng để kết thúc nợ.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Thanh S trình bày như sau:*

Trước đây, ông và bà H có vay tiền của bà N, mục đích để nuôi tôm, đến ngày 19/4/2021 (08/3/2021 âm lịch) thì hai bên kết nợ, còn lại 75.000.000 đồng tiền nợ gốc, 23.000.000 đồng tiền lãi.

Vợ chồng ông trả dần cho bà N từ tháng 02/2022-01/2023 (12 tháng) x 5.000.000 đồng/tháng = 60.000.000 đồng. Đến năm 2024, ông tiếp tục trả tiền cho bà N qua hình thức chuyển khoản, cụ thể:

- Ngày 18/3/2024, chuyển cho bà N thông qua tài khoản tên Nguyễn Thị Bé P, số tiền 1.000.000 đồng.

- Ngày 10/4/2024, chuyển cho bà N thông qua tài khoản tên Nguyễn Thị Bé P, số tiền 1.000.000 đồng.

- Ngày 10/5/2024, chuyển cho bà N thông qua tài khoản tên Nguyễn Thị Bé P, số tiền 1.500.000 đồng.

- Ngày 07/6/2024, chuyển cho bà N thông qua tài khoản tên Nguyễn Thị Trúc L, số tiền 1.500.000 đồng.

- Ngày 30/6/2024, chuyển cho bà N thông qua tài khoản tên Nguyễn Thị Trúc L, số tiền 1.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông chuyển khoản 6.000.000 đồng cho bà N. Vậy tổng số đã trả cho bà N1 số tiền là 66.000.000 đồng, trừ số tiền 75.000.000 đồng tiền nợ gốc, hiện còn nợ bà N số tiền 9.000.000 đồng nợ gốc và 23.000.000 đồng tiền lãi.

Vậy, ông, bà H thừa nhận còn nợ bà N số tiền 32.000.000 đồng. Phía bị đơn đồng ý trả số tiền này nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Đối với yêu cầu tính lãi của bà N, trước đây, sau khi làm giấy nợ thì vợ chồng ông có thỏa thuận với bà N không tiếp tục tính lãi số tiền gốc 75.000.000 đồng, nhưng là thỏa thuận miệng, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H trình bày như sau:*

Bà thống nhất toàn bộ ý kiến của ông Phạm Thanh S, bà và ông S là vợ chồng, cùng vay tiền bà N để nuôi tôm. Vợ chồng bà đã nhiều lần trả tiền cho bà N, hiện còn nợ số tiền 9.000.000 đồng nợ gốc và 23.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, bà thừa nhận còn nợ bà N số tiền 32.000.000 đồng và đồng ý liên đới cùng ông S số tiền này cho bà N nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ 58.503.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng), bao gồm 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền nợ gốc, 49.503.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H trả số tiền nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[2] Bà Trần Thị N khởi kiện cho rằng có cho ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H vay số tiền đến nay chưa trả. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông S, bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 32.000.000 đồng, gồm 9.000.000 đồng nợ gốc, 23.000.000 đồng tiền lãi. Cơ sở khởi kiện là "Giấy vay tiền ngày 08/3/2021 âm lịch" (bút lục 34).

Xét, "Giấy vay tiền ngày 08/3/2021 âm lịch" (bút lục 34) giữa bà Trần Thị N và ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án ông S, bà H thừa nhận đã ký, ghi rõ họ tên vào Giấy vay, tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tại "Giấy vay tiền ngày 08/3/2021 âm lịch" (bút lục 34) ghi rõ: "*Còn thiếu lại cô 5 số tiền 75.000.000 đồng,…23.000.000 đồng tiền lãi, lãi mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng*". Ông S, bà H cũng thừa nhận, thống nhất với bà N đối với nội dung Giấy vay tiền này. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N thừa nhận có nhận lại của ông S, bà H số tiền nợ gốc 66.000.000 đồng, sau khi cần trừ thì ông S, bà H còn nợ lại bà N số tiền 9.000.000 đồng và 23.000.000 đồng tiền lãi. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N buộc ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vay 32.000.000 đồng (Ba Mươi hai triệu đồng) (gồm 9.000.000 đồng và 23.000.000 đồng tiền lãi) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Về yêu cầu tính lãi suất hợp đồng vay: Bà N yêu cầu tính lãi số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng, với số tiền lãi hằng tháng là 2.000.000 đồng/tháng với thời gian 45 tháng, từ ngày 19/4/2021 đến ngày 19/01/2025, với số tiền 90.000.000 đồng, bị đơn ông S, bà H không đồng ý vì cho rằng có thỏa thuận không tính lãi với bà N.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, đối với yêu cầu tính lãi của bà N thì ông S, bà H không đồng ý cho rằng các bên có thỏa thuận không tính lãi số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng nhưng không được bà N thừa nhận, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét: Giấy chốt nợ giữa hai bên ngày 08/3/2024 âm lịch nhằm ngày 19/4/2021 dương lịch bút lục (34) hai bên có thỏa thuận lãi suất là "*lãi mỗi tháng đóng 2 triệu tiếp*" nhưng không thỏa thuận thời hạn trả hết nợ là ngày nào. Như vậy, đây là Hợp đồng vay có lãi và không kỳ hạn. Hai bên thỏa thuận lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng trên số tiền vốn 75.000.000 đồng là vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Lãi suất quy định là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng nhưng ở đây hai bên thỏa thuận lên đến gần 2,67%/tháng, vậy phần thỏa thuận vượt sẽ không được chấp nhận. Căn cứ Điều 466, 468, 469 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 5, 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu tính lãi của bà N có cơ sở chấp nhận một phần. Cụ thể lãi suất được tính theo pháp luật như sau:

Thời gian	Lãi suất	Vốn gốc	Tiền lãi
ngày 19/4/2021 đến ngày 03/2/2022	1.66%/tháng	75.000.000	11.786.000
03-02-2022	1.66%/tháng	70.000.000	1.162.000
03-03-2022	1.66%/tháng	65.000.000	1.079.000
03-04-2022	1.66%/tháng	60.000.000	996.000
03-05-2022	1.66%/tháng	55.000.000	913.000
03-06-2022	1.66%/tháng	50.000.000	830.000

03-07-2022	1.66%/tháng	45.000.000	747.000
03-08-2022	1.66%/tháng	40.000.000	664.000
03-09-2022	1.66%/tháng	35.000.000	581.000
03-10-2022	1.66%/tháng	30.000.000	498.000
03-11-2022	1.66%/tháng	25.000.000	415.000
03-12-2022	1.66%/tháng	20.000.000	332.000
03-01-2023	1.66%/tháng	15.000.000	249.000
18-03-2024	1.66%/tháng	15.000.000	3.610.500
09-04-2024	1.66%/tháng	14.000.000	162.679
10-04-2024	1.66%/tháng	13.000.000	215.800
09-05-2024	1.66%/tháng	13.000.000	215.800
10-05-2024	1.66%/tháng	11.500.000	171.809
07-06-2024	1.66%/tháng	10.000.000	166.000
30-06-2024	1.66%/tháng	9.000.000	149.400
13-05-2025	1.66%/tháng	9.000.000	1.558.739
Tổng cộng			**26.503.000**

Vậy, ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền vay là 58.503.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng), bao gồm 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền nợ gốc, 49.503.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền lãi.

[4] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do là người cao tuổi, có Đơn xin miễn án phí, lệ phí Tòa án nên bà Trần Thị N không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

58.503.000 đồng x 5% = 2.925.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 5, 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với số tiền lãi 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với vay là 58.503.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng), bao gồm 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền nợ gốc, 49.503.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền lãi

3. Buộc ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền vay là 58.503.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng), bao gồm 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền nợ gốc, 49.503.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Phạm Thanh S, bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 2.925.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ